

MÔN TRIẾT HỌC

(Môn cơ bản - cho các ngành không chuyên)

Chương I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

I. Phạm trù vật chất

1. Quan niệm về vật chất trong lịch sử triết học trước Mác
2. Định nghĩa của V. I. Lênin về vật chất
3. Giá trị khoa học và ý nghĩa phương pháp luận của định nghĩa đó

II. Nguồn gốc và bản chất của ý thức

1. Nguồn gốc của ý thức

- Nguồn gốc tự nhiên của ý thức
- Nguồn gốc xã hội của ý thức

2. Bản chất của ý thức

- Ý thức là sự phản ánh sáng tạo thế giới khách quan vào trong bộ óc con

người

- Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- Ý thức mang bản chất xã hội

III. Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

1. Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức
2. Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất
3. Ý nghĩa phương pháp luận

- Tôn trọng nguyên tắc tính khách quan, xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo các quy luật khách quan.

- Phát huy tính năng động chủ quan.

- Chống bệnh chủ quan, duy ý chí và bệnh bảo thủ, trì trệ.

Chương II. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

I. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

1. Khái niệm mối liên hệ
2. Tính chất của mối liên hệ

- Tính khách quan
 - Tính phổ biến
 - Tính đa dạng, phong phú
3. Ý nghĩa phương pháp luận
- Nguyên tắc toàn diện
 - Nguyên tắc lịch sử - cụ thể

II. Nguyên lý về sự phát triển

1. Khái niệm sự phát triển
2. Tính chất của sự phát triển
 - Tính khách quan
 - Tính phổ biến
 - Tính đa dạng, phong phú
3. Ý nghĩa phương pháp luận
 - Nguyên tắc phát triển
 - Nguyên tắc lịch sử - cụ thể

Chương III. Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

I. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

1. Khái niệm chất và lượng
 - Khái niệm chất
 - Khái niệm lượng
2. Mối quan hệ biện chứng giữa lượng và chất
 - a. Từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất
 - b. Sự tác động trở lại của chất đối với lượng
 - c. Các hình thức bước nhảy
3. Ý nghĩa phương pháp luận
 - Tích lũy về lượng để thay đổi về chất
 - Kiên quyết thực hiện bước nhảy khi đã tích lũy đủ về lượng
 - Chống tư tưởng chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn

- Chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ

II. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

1. Khái niệm mặt đối lập, mâu thuẫn

2. Tính chất chung của mâu thuẫn

- Tính khách quan
- Tính phổ biến
- Tính đa dạng, phong phú

3. Mâu thuẫn là một chỉnh thể trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau

a. Sự thống nhất của các mặt đối lập

b. Sự đấu tranh của các mặt đối lập

c. Mối quan hệ giữa sự thống nhất và sự đấu tranh của các mặt đối lập

4. Ý nghĩa phương pháp luận

- Cần xác định mâu thuẫn, nghiên cứu mâu thuẫn, phân tích các mặt đối lập

tạo thành mâu thuẫn.

- Cần tìm ra biện pháp cụ thể để giải quyết mâu thuẫn một cách phù hợp.

- Giải quyết mâu thuẫn gắn liền với quan điểm lịch sử - cụ thể.

III. Quy luật phủ định của phủ định

1. Khái niệm phủ định và phủ định biện chứng

- Khái niệm phủ định
- Khái niệm phủ định biện chứng

2. Đặc điểm của phủ định biện chứng

- Tính khách quan
- Tính kế thừa

3. Nội dung quy luật phủ định của phủ định

- Quá trình phủ định của phủ định: Khẳng định – phủ định – phủ định của phủ định.

- Trong hiện thực, một chu kỳ phủ định của phủ định có thể diễn ra thông qua nhiều lần phủ định biện chứng.

- Đặc điểm quan trọng nhất của quy luật phủ định của phủ định là cái mới được ra đời dường như lặp lại cái cũ nhưng trên cơ sở cao hơn.

- Sự phát triển theo đường “xoáy ốc” biểu thị tính lặp lại, tính đi lên, vô tận.

4. Ý nghĩa phương pháp luận

- Cần tuân theo quan điểm của phủ định biện chứng, chống lại quan điểm siêu hình về phủ định.

- Cần nắm bắt điều kiện khách quan thuận lợi, phát huy nhân tố chủ quan tích cực để tạo ra cái mới phù hợp với yêu cầu của tiến bộ xã hội.

Chương IV. Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng

I. Bản chất của nhận thức

Nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào trong bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn

- Nhận thức là hoạt động phản ánh

- Nhận thức là hoạt động tích cực, sáng tạo

II. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

1. Khái niệm thực tiễn

2. Các dạng thực tiễn cơ bản

- Hoạt động sản xuất vật chất

- Hoạt động chính trị - xã hội

- Hoạt động thực nghiệm khoa học

3. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

- Thực tiễn là cơ sở của nhận thức

- Thực tiễn là động lực của nhận thức

- Thực tiễn là mục đích của nhận thức

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý

3. Ý nghĩa phương pháp luận

- Quán triệt quan điểm thực tiễn

- Tránh hai khuynh hướng tuyệt đối hóa vai trò của thực tiễn hoặc hạ thấp vai trò của thực tiễn

Chương V. Hình thái kinh tế - xã hội

I. Biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

1. Khái niệm phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Khái niệm phương thức sản xuất
- Khái niệm lực lượng sản xuất
- Khái niệm quan hệ sản xuất

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

- a. Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
 - b. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
3. Sự vận dụng quy luật này ở Việt Nam hiện nay

II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- Khái niệm cơ sở hạ tầng
- Khái niệm kiến trúc thượng tầng

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- a. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng
 - b. Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng
3. Sự vận dụng mối quan hệ này ở Việt Nam hiện nay

III. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

1. Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội

2. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

3. Quá trình lịch sử - tự nhiên với tính phong phú, đa dạng của lịch sử nhân loại

IV. Vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
4. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội

Chương VI. Ý thức xã hội

I. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

1. Khái niệm tồn tại xã hội
2. Khái niệm ý thức xã hội

II. Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
 - Tồn tại xã hội làm nảy sinh ý thức xã hội, ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội.
 - Tồn tại xã hội thay đổi làm cho ý thức xã hội cũng thay đổi.
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
 - Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội
 - Một bộ phận của ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
 - Tính kế thừa trong sự phát triển của ý thức xã hội
 - Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội
 - Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội
3. Ý nghĩa phương pháp luận
 - Khi xem xét các tư tưởng, quan điểm, lý luận,...trước hết phải xuất phát từ hiện thực vật chất đã sinh ra nó; đồng thời phải tính đến cả ý thức xã hội.
 - Cần phải ủng hộ, phát huy những tư tưởng tiến bộ, cách mạng, khoa học; đẩy lùi những tư tưởng lạc hậu, phản động, phản khoa học.
 - Cần tránh hai khuynh hướng: hoặc chỉ thấy tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội; hoặc tuyệt đối hóa vai trò của ý thức xã hội.

Chương VII. Vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin

I. Bản chất con người

- Con người là một thực thể thống nhất của mặt sinh vật và mặt xã hội
- Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội
- Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử

II. Vấn đề phát triển con người và phát huy nhân tố con người trong sự phát triển xã hội

- Vấn đề phát triển con người
- Vấn đề phát huy nhân tố con người